

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2025

V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đoàn Văn Phôi

2/ Ông Lê Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đạt – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Bé N**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà N có mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Bé N trình bày:

Bà Võ Thị Bé N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới theo nghi thức phong tục tập quán từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà Bé N và ông T chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp nên bà Bé N không còn chung sống với ông T từ tháng 5/2023 đến nay. Mặc dù, bà Bé N và ông T đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Bé N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bé N và ông T.

Về con chung: Bà Bé N và ông T có 04 con chung tên Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 14/01/1991; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 28/3/1992; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26/8/1996 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 01/7/1999. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn bà Võ Thị Bé N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Võ Thị Bé N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Về con chung đều đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; tài sản chung và nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Võ Thị Bé N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà Võ Thị Bé N trình bày bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới theo nghi thức phong tục tập quán từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét lời trình bày này của bà Bé N là phù hợp với kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã M có nội dung: qua xem xét hồ sơ lưu tại Ủy ban nhân dân xã M bà Võ Thị Bé N và ông Nguyễn Văn T không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M và nội dung đơn xin xác nhận ngày 17/12/2024 mà bà N đã cung cấp cho Tòa án.

Xét thấy, bà Võ Thị Bé N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Võ Thị Bé N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Bé N và ông T có 04 con chung tên Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 14/01/1991; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 28/3/1992; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26/8/1996 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 01/7/1999. Xét thấy, con chung của bà N và ông T đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì bà Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Không công nhận bà Võ Thị Bé N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về án phí: Nguyên đơn Võ Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005196 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, do đó xem như đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS thị xã C, TG;
- UBND xã T, TX C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Cẩm L